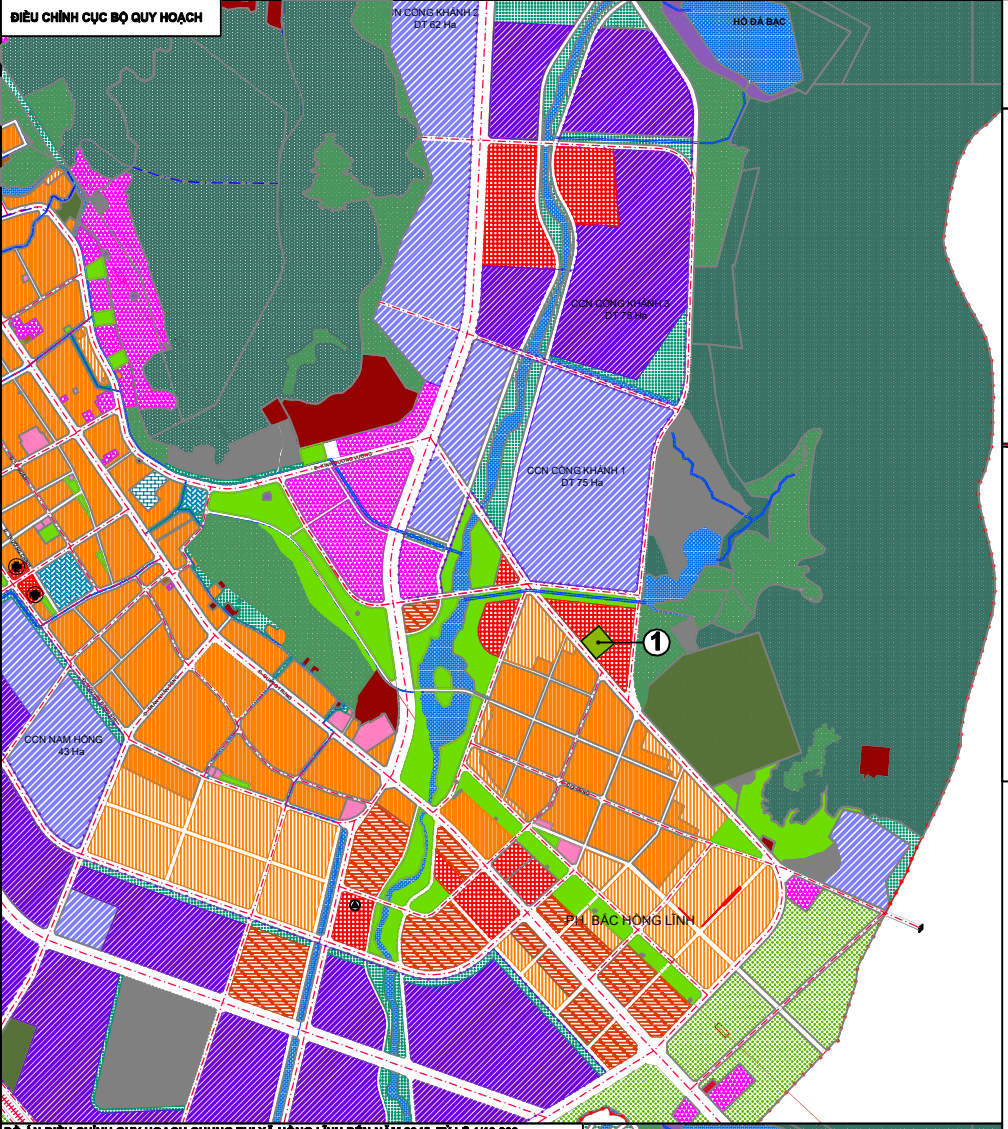

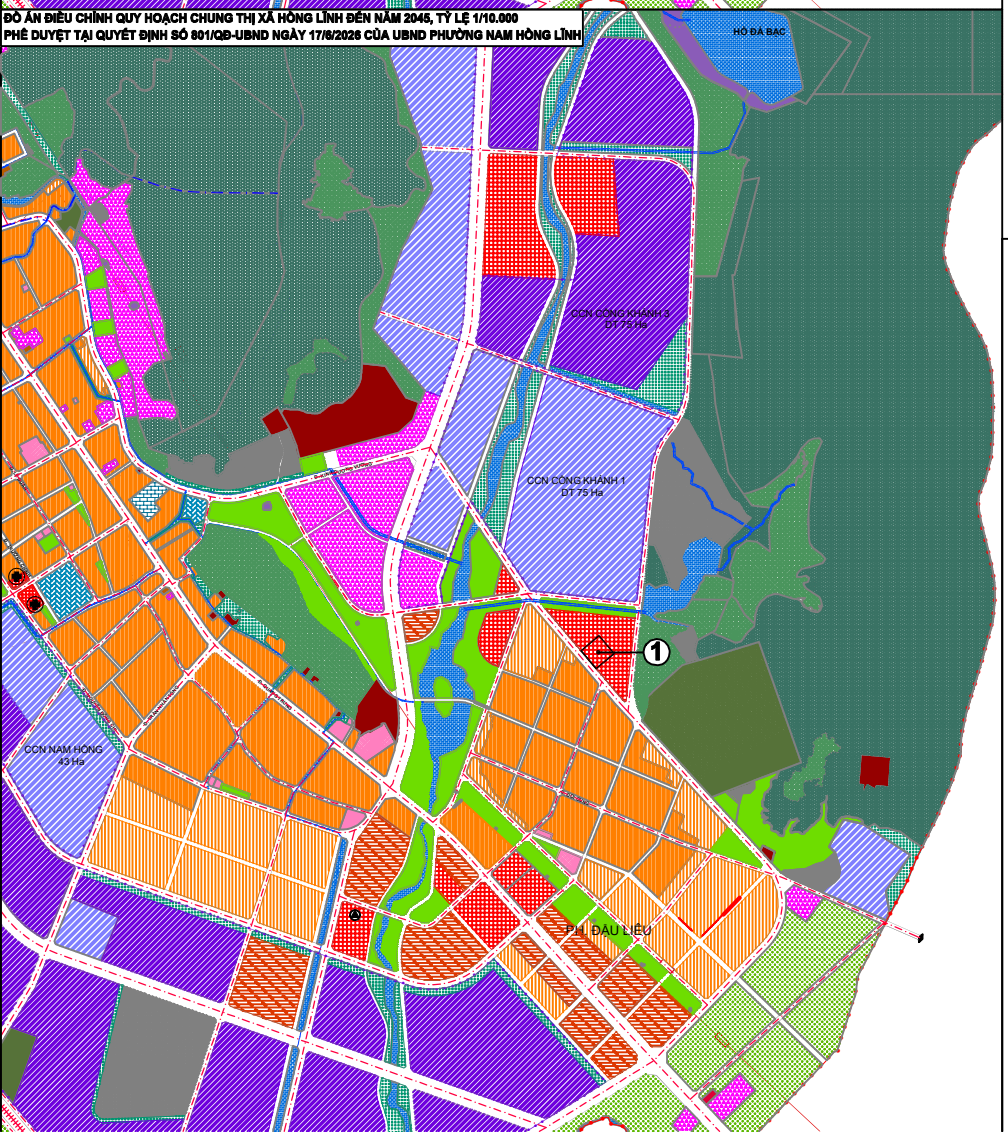

TỶ LỆ XÍCH
100M 200M 500M

B

VỊ TRÍ ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ

RANH GIỚI ĐIỀU CHỈNH

1 ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ

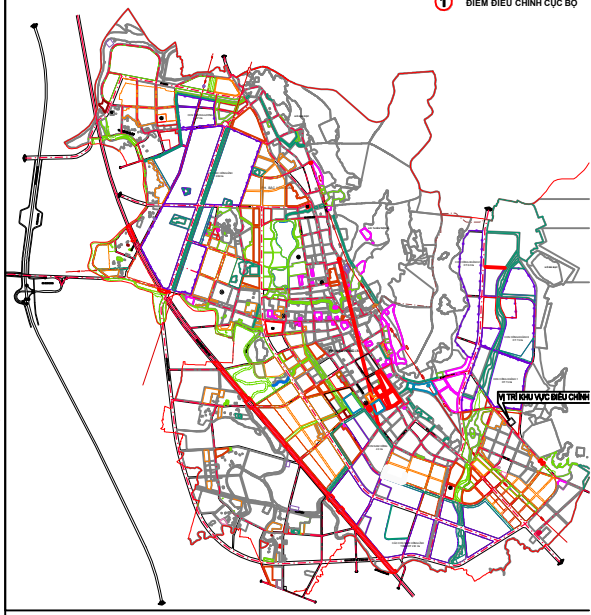

BẢNG THỐNG KÊ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THEO CHỨC NĂNG

TT	Loại đất	Đã phê duyệt theo Quyết định			Chỉ tiêu theo điều chỉnh cục bộ			So sánh các chỉ tiêu	
		Diện tích đất đến năm 2045 (ha)	Tỷ trọng	Chỉ tiêu m2/ng	Diện tích đất đến năm 2045 (ha)	Tỷ trọng	Chỉ tiêu m2/ng	So sánh tăng (+)/giảm (-) (ha)	Tỷ lệ điều chỉnh (%)
AB	**Tổng diện tích tự nhiên**	**5897,3**		**19 (ng/ha)**	**5897,3**		**19 (ng/ha)**		
A	**Đất xây dựng**	**3620,9**	**100,0%**	**30 (ng/ha)**	**3632,0**	**100,0%**	**30 (ng/ha)**		
I	**Khu vực dân dụng**	**880,4**	**24,3%**	**80**	**884,9**	**24,4%**	**80**	**4,5**	**0,5%**
1	Đơn vị ở	675,2	18,6%	61	662,9	18,3%	60	-12,3	-1,8%
a	Đơn vị ở hiện hữu	416,5	11,5%		418,1	11,5%		1,6	0,4%
b	Đơn vị ở mới	203,7	5,6%		189,8	5,2%		-13,9	-6,8%
c	Đơn vị ở trong đất hỗn hợp	30,0	0,8%		30,0	0,8%			
d	Làng xóm đô thị hóa	25,0	0,7%		25,0	0,7%			
2	Dịch vụ - công cộng	44,0	1,2%	4,0	46,8	1,3%	4,0	2,8	6,4%
a	Giáo dục (trường THPT)	7,0	0,2%		10,8	0,3%		3,8	54,3%
b	Y tế (bệnh viện huyện)	15,0	0,4%		15,0	0,4%			
c	Dịch vụ (chợ)	3,0	0,1%		3,0	0,1%			
d	Công cộng khác (VH, XH, TDTT)	19,0	0,5%		18,0	0,5%		-1,0	-5,3%
3	Cơ quan, trụ sở	14,2	0,4%	1,3	9,0	0,2%	1,3	-5,2	-36,6%
4	Cây xanh sử dụng công cộng	55,0	1,5%	5,0	72,8	2,0%	5,0	17,8	32,4%
5	Giao thông và HTKT đô thị	92,0	2,5%		93,4	2,6%		1,4	1,5%
II	**Khu vực ngoài dân dụng**	**2740,6**	**75,7%**		**2747,1**	**75,6%**		**6,5**	**0,2%**
1	Sản xuất công nghiệp	732,3	20,2%		732,3	20,2%			
2	Trung tâm đào tạo nghiên cứu	16,9	0,5%		10,1	0,3%		-6,8	-40,2%
3	Cơ quan trụ sở ngoài dân dụng	5,0	0,1%		5,0	0,1%			
4	Trung tâm Y tế	8,5	0,2%		23,0	0,6%		14,5	170,6%
5	Trung tâm VH, TDTT và công cộng khác	38,2	1,1%		38,2	1,1%			
6	Dịch vụ, du lịch	51,5	1,4%		50,8	1,4%		-0,7	-1,4%
7	Cây xanh chuyên dụng	359,5	9,9%		359,5	9,9%			
8	Di tích, tôn giáo, tín ngưỡng	48,2	1,3%		48,2	1,3%			
9	Hỗn hợp (không tính đơn vị ở)	327,8	9,1%		326,3	9,0%		-1,5	-0,5%
10	An ninh	3,2	0,1%		4,2	0,1%		1,0	31,3%
11	Quốc phòng	59,7	1,6%		59,7	1,6%			
12	Giao thông đối ngoại	981,5	27,1%		981,5	27,1%			
13	Hạ tầng kỹ thuật ngoài đô thị	26,8	0,7%		26,8	0,7%			
14	Nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	81,5	2,3%		81,5	2,3%			
B	**Đất khác (ngoài đất xây dựng)**	**2276,3**	**38,6%**		**2264,6**	**38,4%**		**-11,7**	**-0,5%**
1	Sản xuất nông nghiệp	479,5	21,1%		476,5	20,9%		-3,0	-0,6%
2	Rừng sản xuất	200,9	8,8%		223,0	9,8%		22,1	11,0%
3	Rừng phòng hộ	1368,7	60,1%		1337,9	58,8%		-30,8	-2,3%
4	Hồ ao đầm	84,1	3,7%		84,1	3,7%			
5	Sông suối kênh rạch	143,1	6,3%		143,1	6,3%			

KÍ HIỆU CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT

DÂN DỤNG
- ĐẤT ĐƠN VỊ Ở
- ĐẤT HỖN HỢP
- ĐẤT DỊCH VỤ CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ
- ĐẤT DỊCH VỤ CÔNG CỘNG ĐƠN VỊ Ở
- ĐẤT CƠ QUAN, TRỤ SỞ
- ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG
- ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ
- ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

NGOÀI DÂN DỤNG
- ĐẤT NGHĨA TRANG
- ĐẤT KHU CỤM CÔNG NGHIỆP
- ĐẤT TRUNG TÂM ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU
- ĐẤT DỊCH VỤ, DU LỊCH
- ĐẤT TRUNG TÂM Y TẾ
- ĐẤT TRUNG TÂM VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO
- ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN DỤNG
- ĐẤT DI TÍCH, TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG
- ĐẤT LÀNG XÓM ĐÔ THỊ HOÁ
- ĐẤT AN NINH
- ĐẤT QUỐC PHÒNG
- ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT NGOÀI ĐÔ THỊ

CHỨC NĂNG KHÁC
- ĐẤT SÔNG, SUỐI, KÊNH, RẠCH, HỒ, AO, ĐẦM
- ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ
- ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT

KÍ HIỆU ĐƯỜNG NÉT

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- RANH GIỚI XÃ
- RANH GIỚI PHÂN KHU
- ĐƯỜNG SẮT TỐC ĐỘ CAO DỰ KIẾN

KÍ HIỆU CÔNG TRÌNH

- CÔNG TRÌNH VĂN HÓA CẤP ĐÔ THỊ
- TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
- CHỢ
- CÔNG TRÌNH Y TẾ CẤP ĐÔ THỊ

KÍ HIỆU Ô ĐẤT

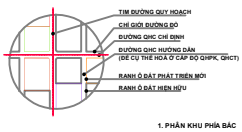

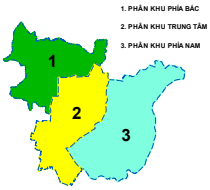

SƠ ĐỒ PHÂN KHU

TỔNG HỢP NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

STT	Chức năng sử dụng đất theo QĐ số 801/QĐ-UBND ngày 17/6/2026	Vị trí	Diện tích (ha)	Hiện trạng sử dụng đất	Điều chỉnh cục bộ
1	Đất dịch vụ công cộng đô thị	TDP 7 Đập Liễu, phường Nam Hồng Lĩnh	1.0	Đất chưa sử dụng	Đất An ninh

NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

- ĐIỀU CHỈNH ĐẤT DỊCH VỤ CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ SANG ĐẤT AN NINH VỚI DIỆN TÍCH 1,0HA
- VIỆC ĐIỀU CHỈNH KHÔNG LÀM THAY ĐỔI QUY MÔ, TÍNH CHẤT VÀ MỤC TIÊU ĐỒ ÁN.
- CÁC NỘI DUNG KHÁC GIỮ NGUYÊN THEO QUY HOẠCH ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 801/QĐ-UBND NGÀY 17/8/2026 CỦA UBND PHƯỜNG NAM HỒNG LĨNH

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: UBND PHƯỜNG NAM HỒNG LĨNH — CHỦ TỊCH

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: / NGÀY: / /2026

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ — TRƯỞNG PHÒNG

KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: / NGÀY: / /2026

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: TỔ CÔNG TÁC PHỤC VỤ CÔNG TÁC ĐCCB ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH QHC THỊ XÃ HỒNG LĨNH(CŨ) TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG NAM HỒNG LĨNH — TỔ TRƯỞNG

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: / NGÀY: / /2026

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM: ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG THỊ XÃ HỒNG LĨNH TỈNH HÀ TĨNH ĐẾN NĂM 2045, TỶ LỆ 1/10.000 TRÊN PHẠM VI PHƯỜNG NAM HỒNG LĨNH

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG NAM HỒNG LĨNH, TỈNH HÀ TĨNH

TÊN BẢN VẼ: ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THEO CÁC GIAI ĐOẠN QUY HOẠCH

BẢN VẼ: QH - 05	GHÉP: 1 A0	TỶ LỆ: 1/5000	NGÀY: / /2026
THIẾT KẾ	KTS. LÊ HỒNG BEN		
CHỦ TRÌ	KTS. LÊ HỒNG BEN		
CHỦ NHIỆM	KTS. LÊ HỒNG BEN		
Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN PHI KHANH		

GIÁM ĐỐC

TRẦN TẤT TÔ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG HÀ TĨNH
Địa chỉ: 75 - Nguyễn Chí Thanh - Phường Thành Sen - Tỉnh Hà Tĩnh
Điện thoại: 0912.488.491